

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 23-9-2022.

“V/v Ly hôn giữa ông Nguyễn An  
H1 và bà Lý Hoa H”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Vạn Thế.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Các ngày 26 tháng 8 năm 2022 và ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2022, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 37/2022/QĐST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn An H1, sinh năm 1964; địa chỉ thường trú: Số 120, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ liên hệ: Nhà trọ T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Ông H1 có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Lý Hoa H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 120, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà H có mặt tại phiên tòa ngày 26/8/2022, ngày tiếp tục phiên tòa 23/9/2022 bà H vắng mặt không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn An H1 trình bày:

Năm 1985, ông H1 và bà Lý Hoa H quen biết, tìm hiểu rồi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, đầm ấm được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chưa tìm hiểu kỹ trước hôn nhân nên xảy ra bất đồng quan điểm sống khi chung sống, vợ chồng không hợp nhau, cuộc hôn nhân của ông H1 và bà H kéo dài trong tình trạng không hạnh phúc.

Đến năm 2019, vợ chồng thực sự không còn chung sống và duy trì cuộc sống vợ chồng. Từ đó đến nay ông H1 thường xuyên bỏ nhà đến nhà bà con, bạn bè sống vì không chịu nổi việc chung sống với bà H. Ông H1 xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông H1 không còn tình cảm với bà H, nên ông H1 yêu cầu ly hôn với bà H.

Quá trình sống chung, ông H1 và bà H có 03 con chung tên Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 01/01/1986; Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 01/01/1987 và Nguyễn Thái A, sinh ngày 24/8/2000. Hiện cả 03 con chung của ông H1 và bà H đã trưởng thành, có khả năng tự lao động kiếm sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung khi ông H1 ly hôn với bà H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn An H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông H1 yêu cầu ly hôn với bà Lý Hoa H; Về con chung; về tài sản chung, nợ chung, ông H1 không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 26/8/2022, bị đơn bà Lý Hoa H trình bày:

Bà H thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn An H1 về thời gian cưới nhau, sống chung như vợ chồng, việc vợ chồng không có đăng ký kết hôn, về con chung của hai vợ chồng.

Bà H cho rằng, thời gian đầu khi mới sống chung, thì vợ chồng rất hạnh phúc. Về sau, do ông H1 thường có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bị bà H bắt gặp nhiều lần. Có lần bà H còn yêu cầu Công an Phường 3, thành phố S lập biên bản ghi nhận sự việc mà bà H bắt gặp nhưng Công an không thực hiện nên bà không có chứng cứ giao cho Tòa. Bà H còn cho rằng ông H1 lấy tiền của bà H đưa cho làm ăn (số tiền là 200.000.000 đồng) để đi theo người khác.

Bà H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu ông H1 vì bà cho rằng ông H1 lấy tiền là tài sản riêng của bà H tiêu xài hết, khi nào ông H1 trả lại cho bà H đủ 100 triệu thì bà H mới đồng ý ly hôn với ông H1. Bà H xác định, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà H không yêu cầu giải quyết về con chung vì 03 con chung đã trưởng thành, cả đều có khả năng tự lao động kiếm sống; Việc 100.000.000 đồng bà H yêu cầu là tiền riêng của bà, ông H1 tự chiếm lấy nên bà sẽ khởi kiện đòi

lại số tiền này đối với ông H1 bằng vụ án khác khi cần thiết, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này vì đây là quan hệ pháp luật độc lập.

Ông H1 cho rằng mình không có lấy tiền của bà H và cũng không có quan hệ bất chính với ai khác.

Tại phiên tòa ngày 26/8/2022, bà H yêu cầu ông H1 giao trả sổ đỏ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đối với diện tích đất nền nhà của ông H1 bà H là tài sản chung của vợ chồng, để giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này, nhưng bà H không trình bày được thông tin pháp lý về phần đất tranh chấp cùng các thông tin có liên quan tại phiên tòa. Bà H cam kết sẽ làm đơn khởi kiện nêu rõ yêu cầu và cung cấp thông tin cho Tòa án sau khi tạm ngừng phiên tòa để bà H có thời gian thực hiện. Tuy đã cam kết tại phiên tòa và Tòa án đã ra Thông báo và tổng đạt hợp lệ cho bà H để yêu cầu bà H thực hiện việc yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, cung cấp tài liệu, chứng cứ, nhưng đến nay bà H vẫn không thực hiện. Và dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định tạm ngừng phiên tòa có thông báo thời gian tiếp tục phiên tòa nhưng bà H vắng mặt không tiếp tục tham gia phần tranh tụng tại phiên tòa, không rõ lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về thụ lý, giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định về xét xử sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/9/2022, không tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên cho rằng, ông Nguyễn An H1 và bà Lý Hoa H cưới nhau và xác lập quan hệ vợ chồng năm 1985, cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, ông H1 và bà H cùng thống nhất thừa nhận nên đủ căn cứ xác định thời điểm bắt đầu sống chung như vợ chồng là từ năm 1985. Theo quy định tại mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000, thấy rằng quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình, vì đây là hôn nhân thực tế, do ông H1 và bà H sống chung như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987, nên dù không có đăng ký kết hôn theo quy định tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, nhưng quan hệ hôn nhân của ông H1 và bà H vẫn được pháp luật công nhận là hôn nhân thực tế là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo lời trình bày của ông H1, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng chưa tìm hiểu kỹ trước khi đi đến hôn nhân, nên có nhiều bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân kéo dài một thời gian trong tình trạng không hạnh phúc. Đến năm 2019, vợ chồng không còn chung sống và duy trì cuộc sống vợ chồng. Từ đó đến nay, ông H1 thường xuyên rời khỏi nhà, đến nhà bạn bè, họ hàng sống và hiện vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Ông H1 khẳng định, ông không còn tình cảm với bà H. Còn bà H thì cho rằng ông H1 có người phụ nữ khác, lấy hết tiền của bà H mang đi nên bà H không đồng ý ly hôn. Việc trình bày của hai bên đương sự không có chứng cứ chứng minh, nhưng qua đó cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ khi không còn chung sống với nhau năm 2019 đến nay thì tình cảm vợ chồng giữa ông H1 và bà H vẫn không hàn gắn được. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông H1 và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của ông H1 theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

Về con chung ông Nguyễn An H1 và bà Lý Hoa H có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 01/01/1986; Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 01/01/1987 và Nguyễn Thái A, sinh ngày 24/8/2000. Hiện cả ba con chung đã trưởng thành và có khả năng tự lao động kiếm sống nên không yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Áp dụng 56, 131 Luật Hôn nhân và gia đình, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa ông Nguyễn An H1 và bà Lý Hoa H; Về con chung, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Việc ông Nguyễn An H1 xin ly hôn bà Lý Hoa H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông H1 và bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bà H có địa chỉ đăng ký thường trú và thường xuyên sinh sống tại số Số 120, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 26/8/2022, bà H yêu cầu ông H1 giao trả sổ đỏ - giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với là tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất nền nhà của ông H1 bà H, để giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ

chồng trong vụ án này. Dù đã được Hội đồng xét xử giải thích rõ về phạm vi yêu cầu khởi kiện trong vụ án, thời điểm đưa ra yêu cầu bổ sung của các đương sự theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự, và hướng dẫn các đương sự về quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản bằng một vụ án khác. Nhưng bà H vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết chia tài sản là phần đất đã nêu. Xét thấy cần xem xét yêu cầu của bà H tại phiên tòa 26/8/2022 để đảm bảo giải quyết toàn diện vụ án hôn nhân gia đình và bà H cần có thời gian để cung cấp nội dung yêu cầu cụ thể và thu thập chứng cứ để cung cấp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Đến nay đã hết thời gian tạm ngừng phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiếp tục mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu đòi lại sổ đỏ đối với phần đất bà H cho là tài sản chung, cũng như yêu cầu giải quyết về tài sản chung của bà H phát sinh tại phiên tòa ngày 26/8/2022. Dù đã cam kết và được Tòa án thông báo để yêu cầu bà H thực hiện quyền khởi kiện nhưng bà H vẫn không thực hiện. Từ đó xem như bà H từ bỏ quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong cùng vụ án này; Và đối với của bà H về việc đòi lại tài sản là số tiền 100.000.000 đồng từ ông H1 là quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản, là quan hệ pháp luật độc lập, và các đương sự không yêu cầu giải quyết. Nhận thấy việc không xem xét giải quyết các quan hệ pháp luật này trong cùng vụ án cũng không ảnh hưởng đến tính toàn diện khi giải quyết vụ án lý hôn, nên sẽ xem xét giải quyết các quan hệ tranh chấp này bằng một vụ án khác khi đương sự có khởi kiện yêu cầu theo quy định.

Dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định tạm ngừng phiên tòa có thông báo thời gian tiếp tục phiên tòa nhưng bà H vắng mặt không tiếp tục tham gia phần tranh tụng tại phiên tòa, mà không rõ lý do. Đồng thời do phần tranh tụng tại phiên tòa ngày 28/6/2022 đã làm rõ các tình tiết nội dung vụ án. Nên Hội đồng xét xử xem như bà H từ bỏ quyền tiếp tục tham gia phiên tòa, vi phạm nghĩa vụ có mặt suốt thời gian mở phiên tòa, tiếp tục xét xử và tuyên án vắng mặt bà H là phù hợp quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự.

## [2] Về hôn nhân:

Việc ông Nguyễn An H1 và bà Lý Hoa H không có đăng ký kết hôn, nhưng có tời điểm sống chung như vợ chồng từ năm 1985, đây là tình tiết do cả nguyên đơn và bị đơn thống nhất thừa nhận đồng thời xác định theo năm sinh của người con trai đầu lòng của vợ chồng là ngày 01/01/1986 từ đó đủ căn cứ xác định thời điểm ông H1 và bà H bắt đầu sống chung như vợ chồng là trước ngày 03/01/1987 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế được pháp luật về hôn nhân gia đình, cụ thể được quy định tại Điểm a Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì *“Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 1 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong*

trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”. Từ đó xác định quan hệ hôn nhân của ông H1 và bà H được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”*

Tuy nhiên, sau khi cưới ông H1 và bà H sống chung hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung với nhau từ đó, và đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không lo lắng, quan tâm, chăm sóc nhau mà mỗi người có cuộc sống riêng. Ông H1 cho rằng bà H có hành vi bạo lực về cả thể xác lẫn tinh thần đối với ông, còn bà H cho rằng ông H1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Cho thấy vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng, không có niềm tin, tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Tuy đã được Tòa án tổ chức hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng vẫn không thể hàn gắn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H1 đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận định ông H1 và bà H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn An H1 để giải quyết cho vợ chồng ông H1 và bà H ly hôn là phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Ông H1 và bà H đều thống nhất trình bày vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 01/01/1986; Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 01/01/1987 và Nguyễn Thái A, sinh ngày 24/8/2000. Hiện cả 03 con chung của ông H1 và bà H đã trưởng thành, có khả năng tự lao động kiếm sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đây là tình tiết được cả hai thừa nhận nên xác định vợ chồng có 03 con chung đã trưởng thành, có thể tự lao động kiếm sống và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Do ông Nguyễn An H1 và bà Lý Hoa H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do ông Nguyễn An H1 và bà Lý Hoa H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn An H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn An H1 và bà Lý Hoa H.

2. Về nuôi con chung: 03 con chung tên Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 01/01/1986; Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 01/01/1987 và Nguyễn Thái A, sinh ngày 24/8/2000 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động kiếm sống và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

##### **5. Về án phí:**

Ông Nguyễn An H1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008746 ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Ông H1 đã nộp đủ án phí).

Ông Nguyễn An H1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lý Hoa H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bà H nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.L;
- Chi cục THADS H.L;
- UBND xã T, huyện L, ĐT  
(Không có ĐKKH);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Hà Thị Mỹ Xuân**